

# ĐỊA CHỈNH

## I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (02 TTCH)

TT	TRÍCH YẾU	CƠ QUAN BAN HÀNH	MỨC ĐỘ	TRANG
1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp xã	Cấp xã, phường	Mức độ 2	1 - 4
2	Thủ tục tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Cấp xã, phường	Mức độ 2	5-8



## I. THỦ TỤC HÒA GIẢI TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

### Trình tự thực hiện

- Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

- Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

- Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

- Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác.

Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

- Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

<b>Cách thức thực hiện</b>	Người có đơn yêu cầu hòa giải gửi đơn đến UBND cấp xã
<b>Hồ sơ</b>	Thành phần hồ sơ: Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai Số bộ hồ sơ: Không quy định
<b>Thời hạn giải quyết</b>	Không quá 45 ngày ( <i>Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định</i> ).  <i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</i>
<b>Cơ quan thực hiện TTHC</b>	Ủy ban nhân dân cấp xã
<b>Đối tượng thực hiện TTHC</b>	- Cá nhân, tổ chức
<b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai</b>	
<b>Phí, lệ phí</b>	Không
<b>Kết quả của việc thực hiện TTHC</b>	- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND cấp xã); - Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC</b>	không quy định.
<b>Căn cứ pháp lý của TTHC</b>	Luật 45/2013/QH13(link is external) Nghị định 43/2014/NĐ-CP(link is external) Nghị định 01/2017/NĐ-CP



## II. THAM VẤN Ý KIẾN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

<b>Trình tự thực hiện</b>	<p>Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức/cá nhân gửi hồ sơ đến Bộ phận Một cửa cấp xã.</p> <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ: Ủy ban nhân dân xã cho ý kiến về báo cáo ĐTM và dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.2 kèm theo dưới đây.</p> <p>Bước 3. Kết quả: Có ý kiến bằng văn bản trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc hoặc không có văn bản phản hồi trong trường hợp chấp thuận việc thực hiện dự án.</p>
<b>Cách thực hiện</b>	Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p>Thành phần hồ sơ gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một (01) văn bản đề nghị cho ý kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.1 kèm theo</li> <li>- Một (01) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường và các tài liệu liên quan.</li> </ul> <p>* <b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ hồ sơ</p>
<b>Thời hạn giải quyết</b>	<p>30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời hạn kiểm tra, trả lại hồ sơ: Không quy định</li> <li>+ Thời hạn xử lý hồ sơ: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày quy định</li> <li>+ Thời hạn cho biết kết quả xử lý: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày quy định</li> </ul>
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã
<b>Kết quả thực hiện</b>	Văn bản cho ý kiến về báo cáo ĐTM và dự án hoặc không phản hồi trong trường hợp chấp thuận.
<b>Lệ phí</b>	Không quy định
<b>Tên mẫu, đơn mẫu tờ khai</b>	<p>Phụ lục 1.1..docx</p> <p>Phụ lục 1.2..docx</p>
<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện</b>	Không có

**Căn cứ pháp lý**

- Luật bảo vệ môi trường 55/2014/QH13
- Nghị định số 18/2015 ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI**

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân .....

Tên tôi là (tên họ gia đình, cá nhân sử dụng đất): .....

.....

Sinh năm: .....

CMND số ....., do Công an ....., cấp ngày .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Địa điểm khu đất tranh chấp (ghi rõ số nhà, tên đường, xóm,ấp, xã (thị trấn, phường, huyện): .....

.....

Thuộc tờ bản đồ số: ....., thửa đất số: ....., diện tích đất tranh chấp: .....m<sup>2</sup>;

Tôi viết đơn này đề nghị quý cơ quan hòa giải tranh chấp đất đai giữa gia đình tôi với gia đình ông (bà): ..... Địa chỉ tại: .....

Tóm tắt sự việc dẫn đến việc tranh chấp đất đai: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đến nay, các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau để giải quyết vụ việc tranh chấp đất đai nêu trên. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị UBND xã ..... tổ chức hòa

giải tranh chấp đất giữa gia đình tôi với gia đình ông/ bà ..... trú  
tại ..... để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp nêu trên.

Nội dung đề nghị cấp thẩm quyền giải quyết:

.....  
.....  
.....

Kính mong quý cơ quan sớm xem xét giải quyết.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**Tài liệu kèm theo:**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- .....
- .....
- .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



Số: 579 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 21 tháng 4 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này các quy trình nội bộ, quy trình liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng (Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT, TTPVHCC, CV: đ/c Vịnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, KSTT (M).

Bản ĐT



CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh



Số: 1093 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 26 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt các quy trình nội bộ, quy trình liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này các quy trình nội bộ, quy trình liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng (Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Lưu: VT, KSTT (M).



**CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh